

Bản án số: **02/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 3 - 2020.

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hồng Lam.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Thị Ánh H**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, Tổ N, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Anh N có quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30/12/2019, bản tự khai ngày 24/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Ánh H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh N cưới nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang vào năm 2010. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không lo cho gia đình vợ con, thường xuyên nhậu về vợ chồng cự cãi, nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống tại Tiền Giang từ tháng 7 năm 2014, đến tháng 10 năm 2014 anh N bỏ nhà ra đi đến nay không liên lạc được, dù chị và gia đình đã tìm kiếm và tìm mọi cách liên lạc nhưng vẫn không có tin tức gì, chị đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và sau đó đã có quyết định của Tòa án về việc tuyên bố mất tích đối với anh N. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 09/5/2011, đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

- **Tại phiên Tòa:** chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện không thay đổi gì.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng :*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 09/5/2011 cho chị H nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Anh Nguyễn Hữu N là bị đơn trong vụ án nhưng anh đã bỏ địa phương đi từ tháng 10 năm 2014 cho đến nay không rõ địa chỉ ở đâu. Chị H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N mất tích và theo Quyết định số 15/2019/QĐST-VDS ngày 13/12/2019 của Tòa án Bình Đại đã tuyên bố anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1982, nơi cư trú cuối cùng tại ấp Cả Nhỏ, xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre **mất tích**. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh N là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh H và anh Nguyễn Hữu N cưới nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang vào năm 2010 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N được công nhận hợp pháp.

Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh N vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện mặc dù anh N vắng mặt nhưng anh N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Vì vậy, nay chị H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N, nên yêu cầu của chị H được Hội đồng xét xử chấp nhận và phù hợp với quy định tại **khoản 2 Điều 56** của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 09/5/2011, đang sống với chị H, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con. *Hội đồng xét xử xét thấy*: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu A, xét thấy việc chị H nuôi con chung vẫn **tốt**, hơn nữa anh N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, cần để cháu A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cũng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H nuôi con chung nhưng không yêu cầu anh N cấp dưỡng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[5]. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về nợ chung: Chị H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 57; 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ánh H đối với anh Nguyễn Hữu N.

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ánh H đối với anh Nguyễn Hữu N.

Quan hệ hôn nhân giữa **chị Trần Thị Ánh H và anh Nguyễn Hữu N** chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Trần Mai A, sinh ngày 09/5/2011 cho chị Trần Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện chị Trần Thị Ánh H nuôi con chung không yêu cầu anh Nguyễn Hữu N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hữu N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị Ánh H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hữu N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010598 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị **Trần Thị Ánh H** đã nộp đủ án phí.

Chị **Trần Thị Ánh H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Hữu N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè,
tỉnh Tiền Giang (Số 109, Quyển 01/2010) ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên